

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 59/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị V, sinh năm 1984; Nơi ĐKNKTT: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Hồng Q, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các điều 147, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: vào các điều 55, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2017.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/5/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Đào Thị V và anh Phạm Hồng Q.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc Á, sinh ngày 14/10/2014 cho chị Đào Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ánh đủ 18 tuổi; Giao cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 05/12/2012 cho anh Phạm Hồng Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi;

Chị V và anh Q không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị V, anh Q thực hiện quyền này. Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

2.2. Về tài sản chung: chị Đào Thị V và anh Phạm Hồng Q tự thoả thuận đề nghị Toà án nghị nhận như sau;

- Giao cho anh Q sử dụng 2110m<sup>2</sup> đất trong đó có 360m<sup>2</sup> đất ở, 1440m<sup>2</sup> đất vườn sử dụng lâu dài, 310m<sup>2</sup> đất vườn đến tháng 10/2013 tại thửa số 33 tờ bản đồ 20 Bản đồ địa chính xã T. Địa chỉ thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số KB 449876 ngày 26/3/2010 mang tên hai vợ chồng (Giấy chứng nhận QSDĐ chị V đang quản lý) và sở hữu các công trình vật kiến trúc trên đất gồm: 01 nhà mái bằng khoảng 60m<sup>2</sup> sử dụng cùng toàn bộ công trình phụ chưa hoàn thiện phần thô và 01 dãy chuồng chăn nuôi.

- Anh Q có trách nhiệm thanh toán cho chị V số tiền 120.000.000<sup>d</sup> (Một trăm hai mươi triệu đồng) thời điểm thanh toán cuối cùng vào ngày 24/8/2017; đồng thời chị Vững hoàn trả cho anh Q toàn bộ giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng thửa đất trên.

*Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà anh Q phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

2.3. Về công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: chị Đào Thị V và anh Phạm Hồng Q xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí:

- Chị Đào Thị V nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000<sup>d</sup> (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0000339 ngày 21/3/2017. Chị Đào Thị V được hoàn lại số tiền 150.000<sup>d</sup> (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai trên.

- Án phí chia tài sản: các đương sự không phải chịu, chị Đào Thị V được hoàn lại số tiền 3.750.000<sup>d</sup> (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0000340 ngày 21/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân*

*sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Ngọc Bình**